

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/KDTM-PT

Ngày 07/9/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần.

Ông Nguyễn Anh Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Ông Võ Duy Bảo. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 13/2020/TLPT-KDTM ngày 18/5/2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2020/QĐ-PT, ngày 10/8/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: số.....đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T – Tổng Giám Đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Xuân K – Chuyên viên xử lý nợ. Văn bản ủy quyền số 34/UQ-NGA.19 ngày 12/6/2019 do ông Ngô Xuân B, Giám đốc Ngân hàng TMCP A – CN Nghệ An ủy quyền. Ông Trần Xuân K có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn:

- Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N).

Đại diện theo pháp luật: Bà Ngô Thị O – sinh năm 1969 – Giám đốc.

Địa chỉ: xóm V, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Bà Ngô Thị O – sinh năm 1969.

Địa chỉ: xóm V, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Bà Ngô Thị O hiện đang bị tạm giam trong vụ án hình sự tại Tạm giam Công an tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh thì vụ án có nội dung như sau:

Ngày 16/3/2018, Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) do bà Ngô Thị O làm giám đốc ký hợp đồng cấp tín dụng số CHV.DN.17.160318 và thỏa thuận các điều khoản, điều kiện tín dụng chung số CHV.DN.15.160318 cho Công ty TNHH Thẩm mỹ T vay số tiền 2.100.000.000 đồng. Thời hạn vay 9 tháng từ ngày 17/3/2018 đến ngày 16/12/2018. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; lãi suất 7,8%/năm; lãi suất ngày 10,5%/năm. Cố định lãi suất trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần theo công thức: Lãi suất vay (%/năm) = LS 13+2,8% +X; Lãi quá hạn: 150%/1 năm. Ngày 16/3/2018, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH Thẩm mỹ T số tiền 2.100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thẩm mỹ T đã thanh toán được tiền lãi suất đến tháng 10/2018 thì không tiếp tục thanh toán, vi phạm hợp đồng. Đến ngày 06/11/2019, Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi suất là 324.355.852 đồng. Tổng cộng 2.424.355.852 đồng.

Ngày 28/5/2018, bà Ngô Thị O làm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 7918157007910 đề nghị Ngân hàng TMCP A cấp thẻ tín dụng. Ngày 06/6/2018, Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng cho bà Ngô Thị O số 9704163100526983 với hạn mức 100.000.000 đồng, hiệu lực từ tháng 6/2018. Quá trình sử dụng thẻ bà O đã sử dụng hết số tiền trong thẻ tín dụng. Tính đến ngày 06/11/2019, bà O còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 101,484,806 đồng và lãi suất là 21.361.940 đồng.

Tài sản bảo đảm khoản vay cho hợp đồng tín dụng và cấp thẻ hạn mức tín dụng nêu trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 7 diện tích 547 m² tại xóm V, xã H, thành phố Vinh. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CH 04155 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị O. Theo các hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng số

CHV.BDDN.04.160318 ngày 16/03/2018 và Hợp đồng số CHV.BDDN.281.300518 ngày 05/6/2018.

Ngân hàng TMCP A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O thanh toán số tiền gốc, lãi suất theo hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng đã cấp cho bà O. Trường hợp Công ty TNHH T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không thanh toán được hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Quá trình giải quyết vụ án bà Ngô Thị O đã có bản tự khai: Bà O thừa nhận bà là giám đốc Công ty TNHH T (nay đổi tên là Công ty TNHH một thành viên N) và bà đã ký Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thế chấp tài sản để vay tiền cho Công ty kinh doanh; ký Giấy yêu cầu cấp thẻ tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đảm bảo nghĩa vụ thứ hai với Ngân hàng TMCP A. Quá trình vay vốn bà đã trả được một phần tiền lãi suất. Đến cuối tháng 10/2018, bà bị bắt trong vụ án hình sự và bị tạm giam nên không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng, nên đã vi phạm Hợp đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện như vậy thì bà O cũng đồng ý. Tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh của bà đang bị tạm giam, bà đề nghị Ngân hàng kéo dài thời gian để bà phối hợp với gia đình thanh toán các khoản nợ và giải chấp tài sản. Nếu không được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu: vụ án kinh doanh thương mại và vụ án dân sự có cùng một nguyên đơn, đại diện bị đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị O, các khoản vay có cùng một tài sản thế chấp nên Tòa án đã nhập vụ án để giải quyết là đúng quy định tại điều 42 BLTTDS. Hợp đồng cấp tín dụng; Hợp đồng thế chấp; Thẻ tín dụng được ký kết và cấp trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Yêu cầu của Ngân hàng TMCP A đề nghị buộc bà O thanh toán khoản nợ và lãi suất là có căn cứ. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 07 diện tích 547 m² tại xóm V, xã H, thành phố Vinh. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CH 04155 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị O. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất được ký kết trên cơ sở tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật. Vì vậy, nếu Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không thanh toán được số tiền gốc và lãi suất phát sinh thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2019/KDTM-ST ngày 06/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã quyết định: Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 184, 220, 227, 228 BLTTDS; các điều 357, 317, 318, 323, 324, 463, 464, 466, 468 BLDS; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A. Buộc Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.424.355.852 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai đồng) cụ thể: Tiền gốc 2.100.000.000 đồng (hai tỷ một trăm triệu đồng) và lãi suất tính đến ngày 06/11/2019 là 324.355.852 đồng (ba trăm hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai đồng). Buộc bà Ngô Thị O phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 122.029.363 đồng (một trăm hai mươi hai triệu không trăm hai mươi chín ngàn ba trăm sáu mươi ba đồng) cụ thể: tiền gốc là 101.484.806 đồng (một trăm linh một triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm linh sáu đồng) và lãi suất tính đến ngày 06/11/2019 là 21.361.940 đồng (hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi một ngàn chín trăm bốn mươi đồng). Nếu Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không có khả năng trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 07 diện tích 547 m² tại xóm V, xã H, thành phố Vinh. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CH 04155 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị O.

Ngoài ra bản án còn tuyên xử lý tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm, trách nhiệm thi hành án, lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định, quyền thỏa thuận thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/12/2019, bị đơn bà Ngô Thị O kháng cáo với nội dung không đồng ý với bản án sơ thẩm; đề nghị đến hết tháng 2/2020 thu xếp công nợ, xin miễn tiền lãi và các khoản chi phí phát sinh. Đề nghị Ngân hàng rút đơn để bà xử lý các khoản nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Ngô Thị O vắng mặt: Bà O có đơn trình bày, đề nghị Ngân hàng TMCP A xem xét hỗ trợ để giảm bớt khó khăn; đề nghị xóa khoản lãi và các khoản chi phí phát sinh; giảm 20% tổng giá trị tiền vay vì hiện công ty đang khó khăn; kéo dài thời hạn trả nợ cho công ty đến hết tháng 12/2020.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Đối với việc sử dụng thẻ tín dụng, bà Ngô Thị O đã sử dụng hết trong tháng 6/2018, đã thanh toán tiền lãi tháng 7/2018 là 3.500.000 đồng, tháng 8/2018 là 3.000.000 đồng, sau đó không tiếp tục thực hiện trả lãi. Đến tháng 12/2018, Ngân hàng chuyển nhập tiền lãi vào tiền gốc để tính nợ gốc số tiền là 101.484.806 đồng như tại yêu cầu khởi kiện. Không chấp nhận các nội dung đề nghị của bị đơn; đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng các quy định tố tụng trong việc nhập vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng đạt cho đương sự. Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng các quy định pháp luật. Về nội dung: Các hợp đồng tín dụng, cấp thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp đều do các bên tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật. Yêu cầu khởi kiện tiền gốc, tiền lãi, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp quy định pháp luật; không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thắm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: Đề nghị miễn án phí phúc thẩm cho bà Ngô Thị O. Một số nội dung cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm: Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành thẩm định tại chỗ, thông báo nộp tạm ứng chi phí tố tụng nhưng không tuyên xử lý là không phù hợp với quy định tại các Điều 155 – 158 Bộ luật tố tụng dân sự; phần quyết định không áp dụng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng là thiếu sót.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tại phiên tòa phúc thẩm; xét các nội dung kháng cáo của bà Ngô Thị O, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn được thực hiện trong thời hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

Đối với việc vắng mặt của bà Ngô Thị O: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần, tuy nhiên, hiện nay bà Ngô Thị O đang bị tạm giam trong vụ án hình sự không thể tham gia phiên tòa; Công ty TNHH Thắm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) hiện nay vẫn do bà O làm đại diện, bà O không ủy quyền cho

người khác tham gia tố tụng. Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ngô Thị O.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng và yêu cầu thanh toán:

Ngày 16/3/2018, Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) do bà Ngô Thị O làm giám đốc đã ký hợp đồng cấp tín dụng số CHV.DN.17.160318 và thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số CHV.DN.15.160318 cho Công ty TNHH Thẩm mỹ T vay số tiền 2.100.000.000 đồng. Thời hạn vay 9 tháng từ ngày 17/3/2018 đến ngày 16/12/2019. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mỹ phẩm, thiết bị chăm sóc sức khỏe, làm đẹp, thẩm mỹ viện; lãi suất 7,8%/năm; lãi suất ngày 10,5%/năm. Cố định lãi suất trong 3 tháng đầu và được điều chỉnh 3 tháng/1 lần theo công thức: Lãi suất vay (%/năm) = LS 13+2,8% +X; Lãi quá hạn: 150%/1 năm. Ngày 16/3/2018 Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH Thẩm mỹ T số tiền 2.100.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 01. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty TNHH Thẩm mỹ T đã thanh toán được tiền lãi suất đến tháng 10/2018 thì không tiếp tục thanh toán tiền lãi, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán. Đến ngày 06/11/2019, Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 2.100.000.000 đồng và tiền lãi suất là 324.355.852 đồng.

Ngày 06/6/2018, Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng cho bà Ngô Thị O theo số 9704163100526983 với hạn mức 100.000.000 đồng, theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 7918157007910, ngày 28/5/2018 của bà Ngô Thị O, hiệu lực thẻ tín dụng từ tháng 6/2018. Bà O đã sử dụng hết số tiền được cấp trong thẻ tín dụng, đã thực hiện trả lãi tháng 7 và tháng 8/2018, sau đó không thực hiện nghĩa vụ. Đến tháng 12/2018, Ngân hàng nhập tiền lãi vào tiền gốc chưa thanh toán để tính nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn là theo đúng thỏa thuận tại Điều 9 Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng nội địa của Ngân hàng ABC đã được hai bên thống nhất. Đến ngày 06/11/2019, bà O còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 101,484,806 đồng và lãi suất là 21.361.940 đồng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP A và Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP A cấp cho bà Ngô Thị O được ký kết hoàn toàn dựa trên sự tự nguyện thỏa thuận của các bên, nội dung của Hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái quy định của pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Các bên đã tiến hành thực hiện hợp đồng, đến tháng 10/2018 thì Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công

ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi suất theo hợp đồng đã ký. Thời điểm Ngân hàng TMCP A khởi kiện đã quá thời hạn cho vay đối với hợp đồng tín dụng, thẻ tín dụng của bà Ngô Thị O đã chuyển sang nợ quá hạn nhưng Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết là vi phạm hợp đồng. Yêu cầu thanh toán tiền gốc, tiền lãi được tính trên cơ sở hợp đồng của Ngân hàng TMCP A là có căn cứ, đúng quy định cần được chấp nhận, cụ thể:

- Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) thanh toán số tiền gốc 2.100.000.000 đồng và lãi suất tính đến ngày 06/11/2019 là 324.355.852 đồng (bao gồm: lãi trong hạn 226.532.836 đồng; lãi quá hạn 95.363.014 đồng; lãi chậm trả 2.449.002 đồng). Tổng cộng 2.424.355.852 đồng.

- Bà Ngô Thị O thanh toán số tiền nợ gốc là 101.484.806 đồng và lãi suất tính đến ngày 06/11/2019 là 21.361.940 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CHV.BDDN.04.160318 ngày 16/03/2018 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số CHV.BDDN.281.300518 ngày 05/6/2018 (bảo đảm nghĩa vụ thứ hai) giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Nghệ An và bên thế chấp là bà Ngô Thị O được ký kết trên cơ sở tự nguyện của các bên, nội dung phù hợp với quy định pháp luật, các bên đều thừa nhận về nội dung ký kết hợp đồng; tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 07 diện tích 547 m² tại xóm V, xã H, thành phố Vinh đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CH 04155 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị O; việc thế chấp đầy đủ, đúng quy định pháp luật, đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, hợp đồng thế chấp có hiệu lực. Vì vậy, nếu Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không thanh toán được số tiền trên hoặc trả không đủ thì đưa tài sản thế chấp vào xử lý đảm bảo khoản vay như hợp đồng đã ký kết là có căn cứ, đúng quy định.

[2.3] Về kháng cáo của bà Ngô Thị O: Bà Ngô Thị O kháng cáo và trình bày của bà O về việc đề nghị Ngân hàng cho bà được đến hết tháng 2/2020 để thu xếp công nợ, xin miễn tiền lãi và các khoản chi phí phát sinh đối với; đề nghị Ngân hàng rút đơn để bà xử lý các khoản nợ; đề nghị Ngân hàng thương mại và cổ phần A xem xét hỗ trợ để giảm bớt khó khăn; đề nghị xóa khoản lãi và các khoản

chi phí phát sinh; giảm 20% tổng giá trị tiền vay vì hiện công ty đang khó khăn; kéo dài thời hạn trả nợ cho công ty đến hết tháng 12/2020.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng và cấp thẻ tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản do hai bên thỏa thuận tự nguyện, phù hợp pháp luật, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về thanh toán nghĩa vụ, lãi suất, xử lý tài sản thế chấp phát sinh từ việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định buộc Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tính đến ngày 06/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) và tuyên xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không đủ khả năng thanh toán các khoản nợ trên là hoàn toàn đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn không chấp nhận các yêu cầu của bà Ngô Thị O về giảm khoản nợ, lãi suất vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[3] Tại bản án sơ thẩm, đã tính toán sai tổng số tiền gốc và số tiền lãi của thẻ tín dụng: Quyết định số tiền gốc là 101.484.806 đồng, tiền lãi tính đến ngày 06/11/2019 là 21.361.940 đồng, tổng cộng 122.029.363 đồng. Đúng ra phải bằng 122.846.746 đồng. Cấp phúc thẩm sửa lại phần tính toán trong quyết định bản án.

[4] Về án phí: Bản án sơ thẩm buộc Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O phải chịu án phí sơ thẩm; trả lại cho Ngân hàng TMCP A tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là đúng quy định. Kháng cáo của Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) do bà Ngô Thị O không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm. Đối với bà Ngô Thị O do hiện tại đang bị tạm giam, bà O có đơn trình bày đề nghị miễn giảm án phí phúc thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà O.

[5] Về nội dung kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy: Trong quá trình giải quyết sơ thẩm, Tòa án đã tiến hành thẩm định tại chỗ, thông báo thu chi phí theo yêu cầu thẩm định của nguyên đơn, nhưng hồ sơ không thể hiện việc xử lý chi phí tố tụng, không quyết định xử lý trong bản án là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn khai chi phí thẩm định đã nộp cho Tòa án và đã xử lý sau khi thẩm định, nguyên đơn đồng ý chịu chi phí thẩm định, không yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét; về nội dung phần quyết định bản án sơ thẩm không áp dụng các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và văn bản liên quan hoạt động tín dụng, cấp phúc thẩm bổ sung trong quyết định của bản án phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Căn cứ vào các điều 30, 35, 39, 147, 148, 184, 227, 296 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 357, 317, 318, 323, 324, 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự; khoản 16, Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm được sửa đổi theo Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lệ phí, án phí.

[3] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A.

- Buộc Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 2.424.355.852 đồng (Hai tỷ bốn trăm hai mươi bốn triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai đồng) cụ thể: Tiền gốc 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng); Tiền lãi suất tính đến ngày 06/11/2019: lãi trong hạn 226.532.836 đồng (Hai trăm hai mươi sáu triệu năm trăm ba mươi hai ngàn tám trăm ba mươi sáu đồng); lãi quá hạn 95.363.014 đồng (Chín mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng); lãi chậm trả 2.449.002 đồng (Hai triệu bốn trăm bốn mươi chín ngàn hai đồng)

- Buộc bà Ngô Thị O phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền 122.846.746 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn, bảy trăm bốn sáu đồng) cụ thể: tiền gốc là 101.484.806 đồng (Một trăm linh một triệu bốn trăm tám mươi bốn ngàn tám trăm linh sáu đồng) và lãi suất tính đến ngày 06/11/2019 là 21.361.940 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm sáu mươi một ngàn chín trăm bốn mươi đồng).

- Nếu Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) và bà Ngô Thị O không trả nợ hoặc trả nợ không đủ thì xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay cho Ngân hàng là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 64 tờ bản đồ số 07 diện tích 547 m² tại xóm V, xã H, thành phố Vinh. Đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CH 04155 do UBND thành phố Vinh ngày 09/3/2018 mang tên bà Ngô Thị O.

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí sơ thẩm.

- Buộc Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) phải chịu 80.487.000 đồng (Tám mươi triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Buộc bà Ngô Thị O phải chịu 6.100.000 đồng (Sáu triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí KDTM 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) theo biên lai thu số 0007155 ngày 04/7/2019 và số tiền 2.797.000 đồng (Hai triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0007157 ngày 04/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

[4.2] Án phí phúc thẩm.

- Công ty TNHH Thẩm mỹ T (nay là Công ty TNHH một thành viên N) phải chịu 2.000.000 (Hai triệu đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002538 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh.

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Ngô Thị O.

[5] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, điều 7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Anh Sơn

Phạm Văn Phần

Trần Quốc Cường

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND thành phố Vinh;
- VKSND thành phố Vinh;
- Chi cục T.H.A dân sự Tp Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Cường